



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06942/2025/PKQ (3750.01W2507.0343)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Một thành viên Vpid Hà Nam
Địa chỉ : KCN Châu Sơn, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu : Nước thải
PE 1,0L bảo quản lạnh
PE 0,5L hãm H_2SO_4
PE 0,5L hãm HNO_3
Tình trạng mẫu : PE 0,5L hãm NaOH
TT 1,0L bảo quản lạnh
TT 0,1L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Thời gian lấy mẫu : 03/07/2025
Thời gian thử nghiệm : 03/07/2025 - 16/07/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT số 513/GPMT-BTNMT ngày 29/11/2024
1.	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B: 2023	29,2	40
2.	Độ màu ^(b)	Pt/Co	ISTEE.ĐM	8	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D: 2023	7	45
4.	pH ^(b)	-	TCVN 6492: 2011	7,53	6,0 ÷ 9
5.	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001 - 1: 2021	4,6	27
6.	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5520C: 2023	13	67,5
7.	Asen ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	0,002	0,045
8.	Thủy ngân ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	0,001	0,0045
9.	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	<0,001	0,09
10.	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	<0,0002	0,045
11.	Crom (VI) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B: 2023	<0,003	0,045
12.	Crom (III) ^(b)	mg/L	SMEWW (3125B: 2023 + 3500-Cr.B: 2023)	<0,003	0,18

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT số 513/GPMT-BTNMT ngày 29/11/2024
13.	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	<0,001	1,8
14.	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	0,0031	2,7
15.	Nickel (Ni) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	0,0069	0,18
16.	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	<0,001	0,45
17.	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	US EPA 6020B	0,14	0,9
18.	Tổng xianua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN-.C&E: 2023	<0,01	0,063
19.	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	0,029	0,09
20.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2023	<1	4,5
21.	Sunfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-S2-.B&D: 2023	<0,02	0,18
22.	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D: 2023	0,57	4,5
23.	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	0,07	4,5
24.	Tổng Nito ^(b)	mg/L	SMEWW (4500-N.C: 2023 + 4500-NO3-.E: 2023)	8,49	18
25.	Tổng Photpho (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,01	3,6
26.	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl---.B: 2023	41	450
27.	Hàm lượng clo dư ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,4	0,9
28.	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA (3510C + 3620C + 8270E)	<0,00001	0,045
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(b)	mg/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270E)	<0,00004	0,27
30.	Tổng PCB ^(b)	mg/L	US EPA Method (3510C + 3620C + 8270E)	<0,00001	0,0027

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT số 513/GPMT-BTNMT ngày 29/11/2024
31.	Coliform ^(b)	vi khuẩn/ 100mL	TCVN 8775: 2011	2800	3.000
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/L	SMEWW 7110B: 2023	0,017	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/L	SMEWW 7110B: 2023	0,172	1

Ghi chú:

- 01W2507.0343: Mẫu nước thải sau xử lý của nhà máy XLNT công suất 2.900 m³/ngày.
- Tọa độ vị trí xả thải: X=2268929; Y=592544
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phan Tiến Hưng

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.